TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2023
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải;
2. Ông Nguyễn Văn Tẻo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt*"

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. "*vắng mặt"*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-3-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Văn D trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt

đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn và chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, mặc dù bà T đã khuyên can nhiều lần nhưng ông D vẫn không thay đổi; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên bà T yêu cầu ly hôn đối với ông D.

Về con chung: Bà T và ông D có một con chung tên Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21-01-1998. Hiện tại, anh T1 đã thành niên, tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông D, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn - ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tống đạt hợp lệ ông D đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu T đối với ông Nguyễn Văn D.

Về án phí: Bà Phan Thị Thu T phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật; ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D, ông D có địa chỉ tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại

Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết, ông D đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông D. Ông D phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà Phan Thị Thu T và ông Nguyễn Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 19 tháng 9 năm 1994, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn, bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông D thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn và chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ và ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay; lời trình bày của bà T phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải nhưng ông D không đến cho thấy ông D không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông D có một con chung tên Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21-01-1998. Hiện tại, anh T1 đã thành niên, tự lao động nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Thu T đối với ông Nguyễn Văn D. Bà T được ly hôn với ông D.

2. Về con chung: Bà T và ông D có một con chung tên Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 21-01-1998. Đối với anh T1 đã thành niên, tự lao động nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0023036 ngày 03-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Phan Thị Thu T, ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, T1h từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Tiến Danh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- Phòng GĐKTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục Thi hành án H. Bến Cầu;
- UBND xã N (Lưu);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.